

THÔNG TƯ số 90/2004/TT-BTC
ngày 07/9/2004 hướng dẫn chế
độ thu, nộp, quản lý và sử
dụng phí sử dụng đường bộ.

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001 và Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ, như sau:

Phần I

QUY ĐỊNH CHUNG

I. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đường bộ, gồm: đường bộ, cầu đường bộ, hầm đường bộ.

2. Đường bộ quy định thu phí là những đường bộ đã có quyết định thu phí của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn hiệu lực thi hành.

3. Trạm thu phí đường bộ, gồm: nhà

điều hành, nhà bán vé, cửa soát vé, thiết bị kiểm soát thu phí, hệ thống điện chiếu sáng và các công trình phụ trợ khác phục vụ việc thu phí.

4. Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, gồm: xe ô tô (kể cả xe lam, xe bông sen, xe công nông), máy kéo, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy và các loại xe tương tự, kể cả xe cơ giới dùng cho người tàn tật.

5. Xe máy chuyên dùng, gồm: máy thi công, xe máy nông nghiệp, lâm nghiệp tham gia giao thông đường bộ.

II. ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG
THU PHÍ ĐƯỜNG BỘ

Loại đường bộ được quy định thu phí và tổ chức thu phí phải có đủ các điều kiện sau đây:

1. Hoàn thành việc xây dựng, sửa chữa, nâng cấp theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm chất lượng phục vụ giao thông tốt hơn trước khi thu phí.

2. Thuộc Quy hoạch mạng lưới thu phí đường bộ do cơ quan có thẩm quyền quyết định sau khi đã có ý kiến của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể:

- Đối với đường quốc lộ, phải thuộc quy hoạch mạng lưới thu phí quốc lộ và có quyết định thành lập trạm thu phí của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

- Đối với đường địa phương, phải thuộc quy hoạch mạng lưới thu phí đường địa

phương do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định. Văn bản ban hành quy hoạch mạng lưới thu phí đường địa phương và quyết định thành lập trạm thu phí của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải đồng thời gửi cho Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày ban hành.

Trường hợp đường bộ đặt trạm thu phí không thuộc Quy hoạch mạng lưới thu phí đường bộ do cơ quan có thẩm quyền ban hành theo quy định trên đây thì trước khi xây dựng trạm thu phí, cơ quan chủ quản hoặc chủ đầu tư phải có văn bản gửi Bộ Tài chính nêu rõ: độ dài toàn tuyến đường, số trạm và vị trí đặt các trạm thu phí trên tuyến đường đó (số trạm dự kiến hoặc thực tế đã có); độ dài của đoạn đường dự kiến đặt trạm thu phí và lý do của việc đặt trạm tại vị trí đó. Bộ Tài chính nghiên cứu và có ý kiến bằng văn bản chậm nhất trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được văn bản.

3. Hoàn thành các công trình phụ trợ phục vụ việc thu phí, như: xây dựng trạm thu phí (địa điểm bán vé, kiểm soát vé,...), hệ thống chiếu sáng, đầy đủ các loại vé thu phí, bộ máy tổ chức thu và kiểm soát vé,...

4. Bộ Tài chính đã ban hành quyết định quy định mức thu phí đối với quốc lộ hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đã ra nghị quyết hoặc quyết định quy định mức thu đối với đường địa phương phù hợp với loại đường dự kiến thu phí.

III. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Đối tượng chịu phí sử dụng đường bộ là các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ (dưới đây gọi chung là phương tiện tham gia giao thông đường bộ).

2. Tổ chức, cá nhân (Việt Nam và nước ngoài) có phương tiện tham gia giao thông đường bộ quy định thu phí thì phải trả phí sử dụng đường bộ (sau đây gọi chung là phí đường bộ) quy định tại Thông tư này.

3. Người (Việt Nam và nước ngoài) trực tiếp điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải trả phí đường bộ dưới hình thức vé (loại vé do Bộ Tài chính quy định) cho mỗi lần đi trên đường tại trạm thu phí đường bộ theo quy định (trừ những trường hợp quy định tại điểm 4 Mục này).

4. Miễn phí đường bộ đối với những trường hợp sau đây:

- a) Xe cứu thương, bao gồm cả các loại xe khác chở người bị tai nạn đến nơi cấp cứu.
- b) Xe cứu hỏa.
- c) Xe máy nông nghiệp, lâm nghiệp gồm: máy cày, máy bừa, máy xới, máy làm cỏ, máy tuốt lúa.
- d) Xe hộ đê, xe làm nhiệm vụ khẩn cấp về chống lụt bão.
- e) Xe chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh gồm: xe tăng, xe bọc thép, xe kéo

pháo, xe chở lực lượng vũ trang đang hành quân.

Ngoài ra, đối với xe chuyên dùng phục vụ quốc phòng còn bao gồm các phương tiện cơ giới đường bộ mang biển số: nền màu đỏ, chữ và số màu trắng dập chìm (dưới đây gọi chung là biển số màu đỏ) có gắn các thiết bị chuyên dụng cho quốc phòng (không phải là xe vận tải thùng rỗng) như: công trình xa, cầu nâng, təc, tổ máy phát điện... Riêng xe chở lực lượng vũ trang đang hành quân được hiểu là xe ô tô chở người có từ 12 chỗ ngồi trở lên, xe ô tô tải có mui che và được lắp đặt ghế ngồi trong thùng xe, mang biển số màu đỏ (không phân biệt có chở quân hay không chở quân).

Xe chuyên dùng phục vụ an ninh (dưới đây gọi chung là xe mô tô, ô tô) của các lực lượng công an (Bộ Công an; Công an tỉnh, thành phố; Công an quận, huyện...) bao gồm:

- Xe mô tô, ô tô tuần tra kiểm soát giao thông của cảnh sát giao thông có đặc điểm: Trên nóc xe ô tô có đèn xoay và hai bên thân xe mô tô, ô tô có in dòng chữ: "cảnh sát giao thông".

- Xe mô tô, ô tô cảnh sát 113 có in dòng chữ: "Cảnh sát 113" ở hai bên thân xe.

- Xe mô tô, ô tô cảnh sát cơ động có in dòng chữ "cảnh sát cơ động" ở hai bên thân xe.

- Xe mô tô, ô tô của lực lượng công an đang thi hành nhiệm vụ sử dụng một trong các tín hiệu ưu tiên theo quy định của pháp luật trong trường hợp làm nhiệm vụ khẩn cấp.

- Xe ô tô vận tải có mui che và được lắp ghế ngồi trong thùng xe chở lực lượng công an làm nhiệm vụ.

- Xe đặc chủng chở phạm nhân, xe cứu hộ, cứu nạn.

Các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ khác (ngoài các xe chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh nêu trên) đều thuộc đối tượng chịu phí sử dụng đường bộ và phải nộp phí sử dụng đường bộ theo quy định tại điểm 4, Mục I Phần III Thông tư này.

g) Đoàn xe đưa tang.

h) Đoàn xe có xe hộ tống, dẫn đường.

5. Đối với những trạm thu phí chưa giải quyết được ùn tắc giao thông thì tạm thời chưa thu phí đường bộ đối với xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe hai bánh gắn máy, xe ba bánh gắn máy (dưới đây gọi chung là xe máy).

Căn cứ vào tình hình giao thông tại từng trạm thu phí, các đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức thu phí có trách nhiệm báo cáo Bộ Giao thông vận tải và Bộ Tài chính (đối với quốc lộ) hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (đối với đường địa phương) về tình trạng ùn tắc giao thông tại địa bàn, kiến nghị cụ thể việc tạm thời chưa thu phí đường bộ đối với xe máy quy định tại điểm này.

Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức thu phí, ý kiến của Bộ Giao thông vận tải và điều tra, khảo sát tình hình thực tế, Bộ Tài chính xem xét, quyết định việc tạm thời chưa thu phí quốc lộ và Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tạm thời chưa

thu phí đường địa phương đối với xe máy tại từng trạm thu phí. Trong khi chưa có quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì các trạm thu phí vẫn phải thực hiện thu phí đối với xe máy theo đúng quy định.

Phần II

MỨC THU VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TIỀN THU PHÍ ĐỐI VỚI TỪNG LOẠI ĐƯỜNG BỘ

I. ĐƯỜNG BỘ ĐẦU TƯ BẰNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1. Đường bộ đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước quy định tại Thông tư này, bao gồm:

a) Đường bộ do ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương hoặc ngân sách địa phương) cấp vốn đầu tư.

b) Đường bộ đầu tư bằng vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, như: tiền thu phí để lại cho đơn vị, tiền viện trợ không hoàn lại, tiền hỗ trợ do các tổ chức, cá nhân đóng góp...

c) Đường bộ đầu tư bằng vốn vay và ngân sách nhà nước trả nợ, không phân biệt ngân sách nhà nước phải trả hoàn toàn số nợ (bao gồm cả gốc và lãi) hay ngân sách nhà nước chỉ trả phần nợ gốc, còn phần lãi tiền vay trả bằng tiền thu phí (kể cả vốn do ngân sách nhà nước vay hoặc do chủ đầu tư vay).

d) Các đường bộ khác do Nhà nước quản lý, như: đường bộ đầu tư để kinh doanh, sau khi đã kết thúc giai đoạn

kinh doanh, chuyển giao cho Nhà nước quản lý; đường bộ đầu tư theo hình thức BT (Nhà nước thanh toán vốn cho tổ chức, cá nhân đầu tư và tổ chức, cá nhân đầu tư chuyển giao đường bộ cho Nhà nước quản lý); đường bộ xây dựng theo hình thức đổi đất lấy công trình (Nhà nước giao đất và tổ chức, cá nhân giao công trình đường bộ).v.v...

2. Mức thu phí đường bộ đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước được áp dụng thống nhất cho tất cả các trạm theo Biểu mức thu ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Quá trình thực hiện, Bộ Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần nghiên cứu, sắp xếp, giảm bớt các trạm thu phí không phù hợp, bảo đảm tiến tới tất cả các tuyến đường nối liền có khoảng cách giữa 2 trạm thu phí tối thiểu phải từ 70 km trở lên.

Đối với các đoạn đường bộ bắt đầu thu phí (kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành) thì ngoài các điều kiện quy định tại Mục II Phần I Thông tư này, còn phải bảo đảm khoảng cách giữa hai trạm thu phí ở trên cùng một tuyến đường có độ dài tối thiểu là 70 (bảy mươi) km.

Trường hợp cá biệt, đoạn đường bộ không bảo đảm khoảng cách giữa hai trạm thu phí tối thiểu 70 km thì Bộ Giao thông vận tải hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có văn bản gửi Bộ Tài chính, nêu rõ lý do đề nghị thu phí, kèm theo đề án thu phí (gồm: phương thức đầu tư, thời hạn xây dựng hoàn thành bàn giao,

thời hạn đưa công trình vào sử dụng, độ dài và chất lượng đường, việc xây dựng trạm thu phí và các điều kiện bảo đảm công tác tổ chức thu phí, thời hạn dự kiến bắt đầu thu phí, khả năng lưu lượng phương tiện qua lại, dự kiến mức thu và căn cứ xác định mức thu, dự kiến khả năng thu và hiệu quả thu phí) để Bộ Tài chính xem xét, quyết định.

4. Đơn vị tổ chức thu phí đường bộ đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước phải mở tài khoản thu phí đường bộ tại Kho bạc nhà nước nơi giao dịch.

Tiền phí đường bộ thu được hàng ngày phải gửi vào tài khoản mở tại Kho bạc nhà nước và được quản lý, sử dụng như sau:

4.1. Đơn vị tổ chức thu phí đường bộ được trích để lại một phần số tiền phí sử dụng đường bộ thực thu được trước khi nộp vào ngân sách nhà nước theo tỷ lệ (%), cụ thể:

a) Đối với đơn vị tổ chức thu phí đường địa phương được trích tỷ lệ (%) theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Đối với đơn vị tổ chức thu phí quốc lộ được trích 20% trên tổng số tiền phí đường bộ thực thu được.

Trong tỷ lệ 20% được trích thì 5% (bằng 25% tổng số được trích) để tạo nguồn vốn đầu tư hiện đại hóa công nghệ thu phí, đơn vị thu phí phải nộp về Cục Đường bộ Việt Nam để tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm theo dự án được duyệt, 15% (bằng 75% tổng số tiền được trích) để chi phí phục vụ trực tiếp

công tác tổ chức thu phí đường bộ theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy định tại tiết b.1, b.2, b.3 tương ứng sau đây:

b.1) Chi hoạt động thường xuyên tổ chức thu phí:

- Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn);

- Chi phí quản lý: công tác phí, hội nghị, thông tin liên lạc, dịch vụ công cộng (tiền điện chiếu sáng trạm thu phí, nước văn phòng trạm thu phí), vật tư văn phòng, chi hội họp...

- Chi tiền ăn giữa ca cho người lao động với mức chi tối đa cho mỗi người không vượt quá mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định;

- Chi bảo hộ lao động hoặc đồng phục theo chế độ quy định (nếu có);

- Chi sửa chữa thường xuyên nhà cửa, thiết bị văn phòng, trạm thu phí;

- Chi thuê bảo vệ trạm thu phí (nếu có);

- Chi tiền vé, ấn chỉ phục vụ thu phí;

- Chi mua phụ tùng thay thế, thiết bị có giá trị nhỏ và công cụ lao động khác trực tiếp phục vụ thu phí;

- Chi phí gián tiếp của doanh nghiệp phục vụ công tác thu phí (đối với doanh nghiệp nhà nước được giao nhiệm vụ thu phí);

- Chi khác (nếu có).

b.2) Chi trích quỹ khen thưởng, quỹ

phúc lợi cho cán bộ, nhân viên trực tiếp thu phí đường bộ. Mức trích lập 2 (hai) quỹ khen thưởng và phúc lợi bình quân một năm, một người tối đa không quá 3 (ba) tháng lương thực hiện nếu số thu cao hơn năm trước hoặc bằng 2 (hai) tháng lương thực hiện nếu số thu thấp hơn hoặc bằng số thu năm trước.

b.3) Chi đầu tư hiện đại hóa công nghệ thu phí: mua sắm, lắp đặt thiết bị thu phí (thiết bị tự động, bán tự động); chi mua thiết bị đếm xe theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc đầu tư mua sắm hiện đại hóa công nghệ thu phí thực hiện đấu thầu theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Riêng các khoản chi không thường xuyên và các khoản chi đặc thù theo quy chế riêng của nhà thiết kế, như: chi sửa chữa lớn nhà điều hành, sửa chữa lớn trạm thu phí, chi phí duy tu, bảo dưỡng cầu đường bộ, điện chiếu sáng các cầu (đối với đoạn đường có cầu), chi bảo vệ cầu, mua xe chở tiền, sửa chữa lớn xe chở tiền được bố trí bằng nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp theo dự toán được duyệt hàng năm (ngân sách trung ương đối với quốc lộ, ngân sách địa phương đối với đường địa phương).

4.2. Đối với các đường bộ vay vốn đầu tư, do ngân sách nhà nước trả nợ gốc và thu phí trả lãi tiền vay thì ngoài số tiền được trích theo tỷ lệ (%) quy định tại tiết 4.1 trên đây, đơn vị thu phí còn được trích để lại theo mức thực chi trả lãi tiền vay theo kế ước vay.

Toàn bộ các khoản chi quy định tại tiết 4.1 và 4.2 điểm này không phải hạch

toán phản ảnh vào ngân sách nhà nước, nhưng phải cân đối vào dự toán tài chính của đơn vị thu phí đường bộ hàng năm, được cơ quan có thẩm quyền duyệt. Việc sử dụng phải đúng mục đích, đúng nội dung, chi phải có chứng từ hợp pháp và hàng năm thực hiện quyết toán các khoản chi này.

Các đơn vị thu phí đường bộ, căn cứ vào số tiền được trích để chi phí phục vụ công tác tổ chức thu phí (15%) và số chi theo dự toán được duyệt (dự toán năm chia cho từng tháng, quý), nếu số tiền được trích để phục vụ công tác thu phí lớn hơn số chi thì phải nộp số chênh lệch vào tài khoản của Cục Đường bộ Việt Nam để Cục Đường bộ Việt Nam điều hòa cho các đơn vị trực thuộc không đủ nguồn chi bảo đảm quỹ tiền lương tối thiểu cho cán bộ công nhân viên thu phí theo chế độ quy định.

Cục Đường bộ Việt Nam thực hiện mở tài khoản riêng tại Kho bạc nhà nước nơi giao dịch để theo dõi việc thu - chi đối với khoản tiền Quỹ đầu tư hiện đại hóa công nghệ thu phí (5%) do các đơn vị thu phí nộp về và khoản tiền Quỹ điều hòa phục vụ công tác tổ chức thu phí do các đơn vị thu phí còn chênh lệch thừa nộp về để chuyển cho đơn vị thiếu. Đồng thời phải mở sổ hạch toán riêng từng quỹ, cuối năm nếu chưa sử dụng hết thì được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng và hàng năm phải quyết toán với Bộ Tài chính. Trường hợp trong 3 năm liên tục không sử dụng hết quỹ điều hòa phục vụ công tác thu phí thì phải chuyển số còn thừa sang quỹ đầu tư hiện đại hóa công nghệ thu phí.

4.3. Tổng số tiền phí đường bộ thu được sau khi trừ số tiền tạm trích theo quy định tại điểm 4.1 và 4.2 trên đây, số còn lại đơn vị tổ chức thu phí đường bộ phải nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định sau đây:

a) Đơn vị thu phí đường bộ thực hiện kê khai tiền phí thu được từng tháng và nộp tờ khai cho cơ quan Thuế trực tiếp quản lý trong 5 ngày đầu của tháng tiếp theo. Tờ khai phí đường bộ phải ghi đầy đủ số vé, loại vé đã sử dụng và số phí đã thu, số phí được trích để lại, số phí phải nộp ngân sách nhà nước của tháng trước theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn pháp luật phí và lệ phí.

Căn cứ số kê khai, đơn vị thu phí đường bộ làm thủ tục nộp ngân sách nhà nước. Thời hạn nộp phí vào ngân sách nhà nước chậm nhất không quá ngày 15 của tháng tiếp theo (chương, loại, khoản tương ứng, mục 036, tiểu mục 01 Mục lục ngân sách nhà nước quy định (phí đường bộ do Trung ương quản lý nộp vào ngân sách trung ương, phí đường bộ do địa phương quản lý nộp vào ngân sách địa phương).

b) Cơ quan Thuế trực tiếp quản lý có nhiệm vụ kiểm tra tờ khai, đối chiếu từng loại vé đã phát hành và đã sử dụng để xác định chính xác số tiền phí đường bộ đã thu, số tiền phải nộp ngân sách nhà nước và thông báo cho đơn vị thu phí thực hiện thanh toán số phí phải nộp ngân sách nhà nước hàng tháng.

Đơn vị thu phí đường bộ thực hiện

thanh toán số tiền phải nộp ngân sách nhà nước hàng tháng theo thông báo của cơ quan Thuế, nếu đã nộp thừa thì được trừ vào số tiền phí phải nộp ngân sách nhà nước kỳ tiếp theo, nếu nộp thiếu thì phải nộp đủ số tiền phí còn thiếu vào ngân sách nhà nước chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan Thuế.

c) Cơ quan Tài chính thực hiện cấp lại toàn bộ số tiền phí đường bộ thực nộp vào ngân sách nhà nước để bố trí vốn cho quản lý, bảo trì hệ thống đường bộ theo quy định của pháp luật hiện hành về ngân sách nhà nước và tài chính cho quản lý, bảo trì đường bộ.

5. Lập dự toán thu - chi phí đường bộ:

Hàng năm đơn vị có trạm thu phí đường bộ căn cứ vào đối tượng thu, mức thu phí đối với từng loại phương tiện, số phương tiện tham gia giao thông năm kế hoạch, định mức tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành lập dự toán thu - chi phí đường bộ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về việc phân cấp, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước. Cụ thể như sau:

a) Đối với đơn vị có Trạm thu phí đường quốc lộ:

- Công ty quản lý và sửa chữa đường bộ trực thuộc Khu quản lý đường bộ có Trạm thu phí, lập dự toán thu - chi phí đường bộ của năm kế hoạch, gửi Khu quản lý đường bộ xem xét, tổng hợp gửi Cục Đường bộ Việt Nam.

- Đơn vị (doanh nghiệp công ích đường

bộ hoặc đơn vị sự nghiệp) trực thuộc Sở Giao thông vận tải được Bộ Giao thông vận tải ủy thác quản lý đường quốc lộ có Trạm thu phí, lập dự toán thu - chi phí đường bộ gửi Sở Giao thông vận tải xem xét, tổng hợp gửi Cục Đường bộ Việt Nam.

- Cục Đường bộ Việt Nam xem xét, tổng hợp dự toán thu - chi phí đường quốc lộ gửi Bộ Giao thông vận tải. Bộ Giao thông vận tải tổng hợp cùng với dự toán ngân sách hàng năm của Bộ, gửi Bộ Tài chính theo quy định.

b) Đối với đơn vị thu phí đường địa phương:

Đơn vị (doanh nghiệp công ích đường bộ hoặc đơn vị sự nghiệp) có Trạm thu phí lập dự toán thu - chi phí cầu đường bộ gửi Sở Giao thông vận tải. Sở Giao thông vận tải tổng hợp cùng với dự toán ngân sách hàng năm của Sở, gửi Sở Tài chính địa phương theo quy định.

c) Dự toán thu - chi phí đường bộ các đơn vị lập, bao gồm:

- Dự toán thu, bao gồm số thu nộp ngân sách nhà nước và số thu được để lại chi theo chế độ quy định.

- Dự toán chi theo tỷ lệ khoán được giao, bảo đảm phù hợp với những nội dung chi quy định tại điểm 4.1, Mục I, Phần này.

Dự toán thu - chi phí đường bộ, các đơn vị lập theo từng Trạm, có thuyết minh cơ sở tính toán chi tiết theo nội dung thu, chi.

6. Giao dự toán thu - chi phí đường bộ:

a) Đối với đơn vị thu phí đường quốc lộ:

- Đối với các đơn vị trực thuộc Khu quản lý đường bộ: Căn cứ dự toán thu, chi phí đường bộ được cấp có thẩm quyền giao; dự toán thu, chi của Khu quản lý đường bộ chi tiết theo từng Trạm thu phí; định mức tiêu chuẩn và chế độ chi tiêu tài chính hiện hành, Cục Đường bộ Việt Nam giao dự toán thu, giao tỷ lệ phần trăm (%) chi thường xuyên trên tổng số thu cho các Khu quản lý đường bộ, chi tiết theo từng Trạm thu phí, Khu quản lý đường bộ giao dự toán thu và tỷ lệ phần trăm (%) chi thường xuyên trên tổng số thu cho các Công ty quản lý và sửa chữa đường bộ, chi tiết theo từng Trạm thu phí.

- Đối với các đơn vị trực thuộc Sở Giao thông vận tải được Bộ Giao thông vận tải ủy thác quản lý đường quốc lộ có Trạm thu phí: Cục Đường bộ Việt Nam giao dự toán thu phí cầu, đường bộ, giao tỷ lệ phần trăm (%) chi thường xuyên trên tổng số thu cho Sở Giao thông vận tải, chi tiết theo từng Trạm thu phí. Sở Giao thông vận tải giao dự toán cho đơn vị, chi tiết theo từng Trạm thu phí.

b) Đối với đơn vị thu phí đường địa phương:

Căn cứ dự toán thu - chi phí đường bộ được cấp có thẩm quyền giao, dự toán thu - chi do các đơn vị có Trạm thu phí lập, định mức tiêu chuẩn và chế độ chi tiêu tài chính hiện hành, Sở Giao thông vận tải giao dự toán thu phí đường bộ và giao tỷ lệ phần trăm (%) chi thường

xuyên trên tổng số thu cho đơn vị, chi tiết theo từng Trạm thu phí.

Việc giao dự toán thu phí đường bộ, tỷ lệ phần trăm (%) được để lại chi thường xuyên trên tổng số thu của Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường bộ Việt Nam và Sở Giao thông vận tải cho các đơn vị trực thuộc có Trạm thu phí, phải đảm bảo các nguyên tắc: Số thu không thấp hơn và tỷ lệ chi thường xuyên được để lại trên tổng số thu không cao hơn số được cấp có thẩm quyền giao, chi tiết theo nội dung thu - chi quy định tại tiết b.1, tiết b.2, điểm 4.1, Mục I, Phần này.

Dự toán thu phí đường bộ, tỷ lệ phần trăm (%) chi thường xuyên trên tổng số thu giao cho các đơn vị (chi tiết theo từng Trạm thu phí) của Cục Đường bộ Việt Nam và Sở Giao thông vận tải phải gửi cho cơ quan Tài chính cùng cấp và cơ quan Thuế, Kho bạc nhà nước nơi đơn vị có Trạm thu phí đăng ký giao dịch.

Căn cứ vào dự toán thu, tỷ lệ phần trăm (%) chi thường xuyên trên tổng số thu được giao, các đơn vị lập dự toán thu - chi theo quý (có chia ra từng tháng) gửi cơ quan Thuế, Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị đăng ký giao dịch, đồng gửi cho cơ quan quản lý cấp trên.

7. Chấp hành dự toán thu - chi phí đường bộ:

a) Căn cứ vào dự toán chi được cấp có thẩm quyền thông báo, số thu thực nộp vào Kho bạc nhà nước, lệnh chuẩn chi của thủ trưởng đơn vị và chứng từ hợp pháp, hợp lệ theo quy định, Kho bạc nhà nước thực hiện kiểm soát chi, cấp phát tạm ứng

hoặc thanh toán cho đơn vị theo quy định tại Thông tư số 79/2003/TT-BTC ngày 13/8/2003 của Bộ Tài chính "Hướng dẫn chế độ quản lý, cấp phát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước".

b) Định kỳ hàng tháng, quý căn cứ vào số phí do các đơn vị thu phí thực nộp vào ngân sách nhà nước, Cục Đường bộ Việt Nam tổng hợp số thu phí quốc lộ và Sở Giao thông vận tải tổng hợp số thu phí đường địa phương, kèm theo xác nhận của Kho bạc nhà nước. Căn cứ số phí thực nộp ngân sách nhà nước, cơ quan Tài chính thực hiện chi chuyển nguồn sang Kho bạc nhà nước để thực hiện cấp phát, thanh toán. Căn cứ vào nguồn thu phí do cơ quan Tài chính cấp trở lại, Cục Đường bộ Việt Nam và Sở Giao thông vận tải thực hiện giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan Tài chính và gửi Kho bạc nhà nước để thực hiện kiểm soát, thanh toán theo hình thức chi theo dự toán từ Kho bạc nhà nước.

8. Kế toán và quyết toán thu - chi phí đường bộ:

a) Đơn vị tổ chức thu phí đường bộ phải thực hiện kế toán và quyết toán thu - chi phí đường bộ theo đúng chế độ kế toán thống kê hiện hành. Cuối quý, cuối năm đơn vị tổ chức thu phí phải lập báo cáo quyết toán về tình hình thu - chi phí đường bộ, sau khi đã quyết toán với cơ quan Thuế về số phí đường bộ đã thu, số phải nộp và đã nộp ngân sách, số được giữ lại và số thực chi theo quy định tại Thông tư này.

b) Cơ quan chủ quản cấp trên của các đơn vị thu phí đường bộ có trách nhiệm kiểm tra và thông báo xét duyệt quyết toán thu - chi phí đường bộ của các đơn vị trực thuộc và tổng hợp báo cáo quyết toán gửi cơ quan Tài chính cùng cấp thẩm định và thông báo duyệt quyết toán cùng với quyết toán năm của cơ quan chủ quản.

II. ĐƯỜNG BỘ DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ BẰNG VỐN VAY VÀ THU PHÍ HOÀN VỐN

1. Đường bộ do Nhà nước đầu tư bằng vốn vay và thu phí hoàn vốn nêu tại Mục này là những đường bộ được Nhà nước cho phép chủ đầu tư (các cơ quan quản lý nhà nước về đường bộ) vay vốn để đầu tư, sau đó thu phí hoàn trả vốn vay theo dự án đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (trừ những đường bộ đầu tư bằng vốn vay để kinh doanh).

2. Mức thu phí đường bộ Nhà nước đầu tư bằng vốn vay và thu phí hoàn vốn được áp dụng theo mức thu phí đường bộ đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước quy định tại điểm 2, Mục I Phần này. Trường hợp áp dụng mức thu theo mức thu phí đường bộ đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước không bảo đảm hoàn vốn theo dự án đầu tư được duyệt thì chủ đầu tư phải có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền (Bộ Tài chính đối với quốc lộ; Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với đường địa phương) quyết định mức thu cụ thể phù hợp, nhưng tối đa không quá 2 (hai) lần mức thu phí đường bộ đầu tư

bằng vốn ngân sách nhà nước. Thủ tục, trình tự ban hành quyết định quy định mức thu phí đường bộ nêu tại Mục này thực hiện như sau:

a) Chậm nhất trước 60 ngày kể từ ngày bắt đầu tổ chức thu phí, chủ đầu tư phải gửi Bộ Tài chính (đối với quốc lộ) hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (đối với đường địa phương) công văn đề nghị quy định mức thu, kèm theo hồ sơ:

- Dự án đầu tư đường bộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt (trong đó ghi rõ cấp đường và độ dài đoạn đường thu phí, mức thu được duyệt theo dự án), thời hạn hoàn thành việc xây dựng và đưa công trình vào sử dụng.

- Đề án thu phí, bao gồm: trạm thu phí (tự động, bán tự động, thủ công, các điều kiện về điện chiếu sáng...), dự kiến mức thu (nếu khác với mức thu đã ghi trong dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì phải nêu rõ lý do), dự kiến khả năng nguồn thu, hiệu quả thu phí và thời hạn hoàn vốn.

b) Chậm nhất trước 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thu phí, Bộ Tài chính hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phải xem xét, quyết định mức thu và thông báo cho chủ đầu tư kịp thời triển khai thu phí. Trường hợp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định mức thu phí đường bộ địa phương quản lý thì còn phải gửi quyết định đó cho Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải để theo dõi thực hiện.

3. Đơn vị tổ chức thu phí phải mở tài khoản thu phí đường bộ tại Kho bạc nhà nước nơi giao dịch. Số tiền phí cầu đường

thu được hàng ngày phải gửi vào tài khoản mở tại Kho bạc nhà nước và được sử dụng như sau:

a) Trích để lại cho tổ chức thu phí để chi phí phục vụ việc thu phí theo tỷ lệ (%) và nội dung chi quy định tại điểm 4.1 Mục I Phần này (đường bộ đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước).

b) Số tiền còn lại (tổng số tiền phí thu được trừ số để lại theo tỷ lệ quy định tại tiết a Điểm này) cuối tháng chuyển về tài khoản do chủ đầu tư hoặc đơn vị được giao tiếp nhận nợ và trả nợ thay chủ đầu tư mở tại Kho bạc nhà nước. Đến kỳ trả nợ, các đơn vị này làm thủ tục thanh toán cho đơn vị cho vay theo đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 90/2001/TTLT-BTC-BGTVT ngày 09/11/2001 của Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn quản lý, thanh toán vốn ngân sách nhà nước và thu phí đường bộ để trả nợ vốn vay tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước đối với các dự án giao thông.

4. Toàn bộ số tiền phí đường bộ dùng để trả nợ nêu tại tiết b, điểm 3 Mục này phải thực hiện “ghi thu, ghi chi” qua ngân sách nhà nước theo trình tự, thủ tục như sau:

- Hàng năm cứ 6 tháng một lần (6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm), đơn vị tổ chức thu phí phải tổng hợp quyết toán thu - chi tiền phí đường bộ trong kỳ, ghi rõ số tiền phí đã thu, số tiền phí đã sử dụng theo từng mục chi, trong đó chi tiết khoản mục chi trích nộp về cơ quan chủ đầu tư và gửi bảng tổng hợp quyết toán đó cho cơ quan Thuế trực tiếp quản lý.

- Cơ quan Thuế kiểm tra quyết toán thu - chi phí đường bộ của từng đơn vị, xác định số thực thu, số thực chi, trong đó số tiền chi trích nộp tạo nguồn hoàn trả vốn vay, gửi văn bản kèm theo quyết toán thu - chi về Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế - đối với quốc lộ) hoặc Sở Tài chính (đối với đường địa phương). Tổng cục Thuế kiểm tra, tổng hợp và chuyển Vụ Hành chính sự nghiệp trình Bộ Tài chính xem xét, giải quyết ghi thu, ghi chi đối với quốc lộ; Sở Tài chính giải quyết ghi thu, ghi chi đối với đường địa phương (việc ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước chậm nhất không quá thời gian chình lý quyết toán năm trước).

- Căn cứ chứng từ thu phí đường bộ thực hiện theo hình thức ghi thu, ghi chi, Tổng cục Thuế thông báo số thu ngân sách tại từng trạm thu phí quốc lộ và Sở Tài chính thông báo số thu ngân sách tại từng trạm thu phí đường địa phương cho Cục Thuế các tỉnh, thành phố tổng hợp số thu ngân sách nhà nước trên địa bàn.

- Chủ đầu tư hoặc đơn vị được giao tiếp nhận nợ và trả nợ thay chủ đầu tư có trách nhiệm theo dõi chặt chẽ việc thanh toán trả nợ các khoản vốn Nhà nước vay đầu tư nâng cấp đường bộ và thu phí hoàn vốn. Đối với những đường bộ đã thu phí hoàn trả hết vốn vay theo dự án được duyệt thì phải có văn bản báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải (đối với quốc lộ) hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (đối với đường địa phương) biết để ngừng việc trích tiền phí hoàn trả vốn vay, đồng thời ra quyết định thu, nộp và quản lý sử dụng phí đường bộ này theo

chế độ quy định đối với đường bộ đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước nêu trên.

5. Các đơn vị tổ chức thu phí đường bộ Nhà nước đầu tư bằng vốn vay và thu phí hoàn vốn có trách nhiệm thực hiện lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán thu - chi phí đường bộ theo quy định đối với đường bộ đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước nêu tại điểm 5, 6, 7, 8 Mục I Phần này. Ngoài ra, còn phải có thuyết minh chi tiết số nợ phải trả (gốc và lãi), số đã trả đến năm báo cáo, số phải trả trong năm lập dự toán, nguồn trả của năm lập dự toán.

6. Những đường bộ do Nhà nước đầu tư nâng cấp bằng vốn vay nêu tại Mục này, sau khi đã hoàn trả hết vốn vay (bao gồm cả lãi tiền vay) thì phải thực hiện thu, nộp và quản lý, sử dụng theo chế độ quy định đối với đường bộ đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước nêu trên.

III. ĐƯỜNG BỘ ĐẦU TƯ BẰNG VỐN LIÊN DOANH

1. Đường bộ đầu tư bằng vốn liên doanh nêu tại Mục này, bao gồm:

- Đường bộ đầu tư bằng nguồn vốn liên doanh giữa vốn ngân sách nhà nước và vốn của các đối tác khác.

- Đường bộ do Nhà nước đầu tư một phần (một cầu trong toàn bộ đoạn đường thu phí, hoặc một phần đường trong toàn bộ đoạn đường thu phí), phần đường còn lại do các đối tác khác đầu tư. Trong trường hợp này các bên liên doanh phải thống nhất đánh giá giá trị thực tế của phần đường bộ do từng bên

đầu tư, để xác định vốn góp của từng bên liên doanh.

2. Mức thu phí đường bộ đầu tư bằng vốn liên doanh được coi là giá cước dịch vụ sử dụng đường bộ đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, do Bộ Tài chính (đối với quốc lộ) hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (đối với đường địa phương) quy định phù hợp với cấp đường và độ dài đoạn đường thu phí theo dự án đầu tư được duyệt và đề nghị của chủ đầu tư, nhưng tối đa không quá 2 (hai) lần mức thu phí đường bộ đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước. Thủ tục, trình tự quy định mức thu áp dụng theo quy định tại điểm 2, Mục II Phần này.

3. Tiền phí đường bộ đầu tư bằng vốn liên doanh được sử dụng như sau:

3.1. Nộp thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

3.2. Chi phục vụ công tác tổ chức thu phí đường bộ.

3.3. Chi phí cho việc quản lý, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên đoạn đường bộ thu phí.

3.4. Tổng số tiền phí đường bộ thu được, sau khi trừ số tiền đã chi theo các nội dung chi nêu trên (3.1, 3.2, 3.3), số tiền còn lại được để lại 100% cho các đối tác liên doanh (để rút ngắn thời gian thu phí đối với đường bộ đầu tư bằng vốn liên doanh) hoặc chia cho các đối tác liên doanh theo tỷ lệ góp vốn đầu tư ghi trong dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định sau đây:

a) Số tiền thu phí đường bộ chia theo tỷ lệ vốn góp của ngân sách nhà nước đầu tư phải nộp hết vào ngân sách nhà nước (nếu vốn đầu tư của ngân sách trung ương thì nộp vào ngân sách trung ương; nếu vốn đầu tư của ngân sách địa phương thì nộp vào ngân sách địa phương; trường hợp cả ngân sách trung ương và ngân sách địa phương cùng tham gia góp vốn thì phân chia số tiền được chia cho từng cấp ngân sách theo tỷ lệ vốn góp của mỗi cấp ngân sách trong tổng số vốn góp vào liên doanh).

b) Số tiền phí đường bộ chia theo tỷ lệ vốn góp của các đối tác liên doanh khác được hạch toán vào thu nhập của đơn vị và khoản thu nhập này không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

4. Đường bộ đầu tư bằng vốn liên doanh nêu tại Mục này, sau khi đã hoàn trả đủ vốn, các chi phí phát sinh có liên quan theo quy định trên đây (kể cả lợi nhuận cho phép) theo dự án đầu tư được duyệt thì phải thực hiện thu, nộp và quản lý sử dụng theo chế độ quy định đối với đường bộ đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước nêu trên.

IV. ĐƯỜNG BỘ ĐẦU TƯ ĐỂ KINH DOANH

1. Mức thu phí đường bộ đầu tư để kinh doanh (kể cả BOT và các loại hình kinh doanh khác) là giá cước dịch vụ sử dụng đường bộ đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, do Bộ Tài chính (đối với quốc lộ) hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể (đối với đường địa phương), phù hợp với cấp đường và độ dài đoạn

đường thu phí theo dự án đầu tư được duyệt và đề nghị của chủ đầu tư, nhưng tối đa không quá 2 (hai) lần mức thu phí đường bộ đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước. Thủ tục, trình tự quy định mức thu phí đường bộ nêu tại Mục này thực hiện theo quy định tại điểm 2, Mục II, Phần này.

2. Số tiền phí đường bộ đầu tư để kinh doanh là doanh thu hoạt động kinh doanh của đơn vị. Đơn vị thu phí đường bộ có nghĩa vụ kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp, thực hiện hạch toán kết quả kinh doanh theo quy định của pháp luật.

3. Kết thúc giai đoạn kinh doanh theo hợp đồng hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chủ đầu tư phải chuyển giao đường bộ này cho Nhà nước quản lý và đơn vị thu phí phải thực hiện thu, nộp và quản lý, sử dụng phí đường bộ theo chế độ quy định đối với đường bộ đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước nêu trên.

Phần III

CHỨNG TỪ THU PHÍ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC THU PHÍ ĐƯỜNG BỘ

I. CHỨNG TỪ THU PHÍ ĐƯỜNG BỘ

1. Chứng từ thu phí đường bộ được gọi chung là vé. Vé thu phí đường bộ được quy định phân biệt:

a) Vé thu phí đường bộ đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước và vốn Nhà nước vay

đầu tư nâng cấp thu phí hoàn vốn (Mục I, Mục II Phần II Thông tư này) có tiêu đề: “Phí đường bộ”. Chứng từ “phí đường bộ” là biên lai thu phí thuộc ngân sách nhà nước.

b) Vé thu phí đường bộ đầu tư để kinh doanh (Mục III, Mục IV Phần II Thông tư này) có tiêu đề: “Cước đường bộ”. Chứng từ “Cước đường bộ” là hóa đơn đặc thù sử dụng khi cung ứng dịch vụ sử dụng đường.

2. Các loại vé thu phí đường bộ:

2.1. Vé thu phí tại từng trạm thu phí gồm các loại: Vé lượt; Vé tháng; Vé quý.

a) Vé thu phí trạm có đặc điểm chung như sau:

- Vé thu phí trạm dùng để thu phí đối với phương tiện tham gia giao thông qua một trạm thu phí nơi phát hành vé. Vé phát hành cho trạm thu phí nào thì chỉ có giá trị sử dụng tại trạm thu phí đó (không có giá trị tại trạm thu phí khác).

- Mẫu vé trạm được in theo mẫu của Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) quy định thống nhất về kích cỡ, chỉ tiêu chung (trừ loại vé từ thu phí tại các trạm thu phí tự động và bán tự động).

- Vé phát hành hàng năm theo năm dương lịch. Vé lượt được sử dụng liên tục qua các năm. Vé tháng, vé quý có giá trị sử dụng theo thời hạn ghi trên vé, quá thời hạn ghi trên vé thì vé không còn giá trị sử dụng. Vé đã bán ra thì không được đổi hoặc trả lại (kể cả vé hư hỏng, vé quá hạn).

- Vé lượt bán theo loại phương tiện

tương ứng với mệnh giá in sẵn trên vé, không ghi biển số phương tiện; Vé tháng, vé quý bán theo loại phương tiện tương ứng với mệnh giá ghi trên vé, nhưng phải ghi rõ: thời hạn sử dụng và biển số phương tiện.

- Các loại vé lượt, vé tháng, vé quý thu phí tại từng trạm thu phí bán rộng rãi cho mọi đối tượng có nhu cầu. Tổ chức, cá nhân có thể mua một lần một vé hoặc nhiều vé để sử dụng.

b) Đặc điểm cụ thể của từng loại vé thu phí:

- Vé lượt: Dùng để thu phí đối với phương tiện tham gia giao thông qua trạm thu phí nơi phát hành một lượt. Vé lượt được in sẵn mệnh giá theo mức thu lượt quy định tương ứng với từng loại phương tiện.

- Vé tháng: Dùng để thu phí đối với phương tiện tham gia giao thông qua trạm thu phí nơi phát hành trong một tháng, kể từ ngày 01 đến ngày kết thúc tháng theo thời hạn ghi trên vé.

Vé tháng được in sẵn mệnh giá tháng tương ứng với từng loại phương tiện. Mệnh giá vé tháng bằng 30 (ba mươi) lần mệnh giá vé lượt; riêng mệnh giá vé tháng quy định đối với xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy và các loại xe tương tự bằng 10 (mười) lần mệnh giá vé lượt.

- Vé quý: Phát hành theo thời hạn quý (I, II, III, IV) trong năm dương lịch, dùng để thu phí đối với phương tiện tham gia giao thông qua trạm thu phí nơi phát hành trong một quý kể từ ngày 01 của

tháng đầu quý đến ngày kết thúc quý theo thời hạn ghi trên vé.

Vé quý được in sẵn mệnh giá quý tương ứng với từng loại phương tiện. Mệnh giá vé quý bằng 3 (ba) lần mệnh giá vé tháng và chiết khấu 10% (để khuyến khích, thu hút việc mua vé quý).

2.2. Vé thu phí tuyến Quốc lộ 5:

Thực hiện thí điểm áp dụng vé thu phí tuyến Quốc lộ 5, bao gồm 2 trạm thu phí với các loại: Vé tháng; Vé quý (không áp dụng vé lượt, nếu có nhu cầu vé lượt thì thực hiện mua vé lượt tại từng trạm thu phí).

a) Vé thu phí tuyến Quốc lộ 5 có đặc điểm chung như sau:

- Vé thu phí tuyến Quốc lộ 5 có tiêu đề là "Phí đường bộ tuyến Quốc lộ 5", ghi rõ: Thời hạn sử dụng, loại phương tiện, biển kiểm soát, mức thu.

- Vé tuyến Quốc lộ 5 áp dụng đối với phương tiện tham gia giao thông (trừ phương tiện là mô tô hai bánh, mô tô ba bánh, xe gắn máy và các xe tương tự) trên tuyến Quốc lộ 5. Vé tuyến Quốc lộ 5 không có giá trị sử dụng trên các tuyến đường khác.

- Mệnh giá vé tuyến Quốc lộ 5 bằng mệnh giá thu phí trạm, nhân (x) 2.

- Mẫu vé tuyến Quốc lộ 5 do Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) quy định thống nhất về kích cỡ, mẫu sắc và nội dung chỉ tiêu.

- Vé tuyến Quốc lộ 5 được bán rộng rãi cho mọi đối tượng, không hạn chế số lượng. Người điều khiển phương tiện sử

dụng vé thu phí tuyến Quốc lộ 5 cho vé vào trong kính trước xe ô tô để kiểm soát vé mỗi khi xe đi qua các trạm thu phí.

b) Đặc điểm cụ thể của từng loại vé tuyến Quốc lộ 5 như sau:

- Vé tháng: dùng để thu phí đối với phương tiện tham gia giao thông trên tuyến Quốc lộ 5 trong một tháng theo thời hạn ghi trên vé. Mệnh giá vé tháng tuyến Quốc lộ 5 = Mệnh giá vé tháng trạm, nhân (x) 2.

- Vé quý: dùng để thu phí đối với phương tiện tham gia giao thông trên tuyến Quốc lộ 5 trong một quý theo thời hạn ghi trên vé. Mệnh giá vé quý tuyến Quốc lộ 5 = Mệnh giá vé quý trạm, nhân (x) 2.

c) Mệnh giá các loại vé thu phí trạm và vé tuyến Quốc lộ 5 được quy định cụ thể tại biểu phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2.3. Vé "Phí quốc lộ lượt":

- Vé "Phí quốc lộ lượt" có mệnh giá 10.000 đồng/vé/lượt, áp dụng đối với các xe ô tô con dưới 12 chỗ ngồi có giá trị đối với các trạm thu phí quốc lộ do Nhà nước quản lý (bao gồm cả các trạm thu phí quốc lộ giao cho địa phương tổ chức thu). Không áp dụng vé "Phí quốc lộ lượt" đối với: các trạm thu phí đường bộ đầu tư để kinh doanh (BOT hoặc hình thức kinh doanh khác), không phân biệt là quốc lộ hay đường địa phương; các trạm thu phí đường bộ do địa phương quản lý (đường địa phương) và các trạm thu phí đã chuyển giao quyền thu phí có thời hạn.

- Mỗi vé "Phí quốc lộ lượt" chỉ có giá trị

sử dụng một lần qua một trạm thu phí quốc lộ. Các tổ chức, cá nhân sử dụng ô tô dưới 12 chỗ ngồi có thể mua vé "Phí quốc lộ lượt" theo yêu cầu (không hạn chế số lượng) tại bất kỳ trạm thu phí quốc lộ thuận tiện nhất và mỗi lần đi qua một trạm thu phí quốc lộ, người điều khiển phương tiện phải xuất trình một vé lượt.

- Bộ Tài chính (Tổng cục thuế) in, phát hành vé "Phí quốc lộ lượt" theo mẫu quy định thống nhất. Vé gồm 3 phần: phần lưu tại cuống, phần lưu tại cửa soát vé, phần người nộp phí giữ (làm chứng từ thanh toán) theo nội dung, màu sắc, kích cỡ quy định.

- Các trạm thu phí có trách nhiệm bán vé "Phí quốc lộ lượt" cho mọi đối tượng có nhu cầu; thực hiện thanh toán, quyết toán vé đồng thời với việc thanh toán, quyết toán tiền thu phí đường bộ theo quy định hiện hành.

- Tiền bán vé "Phí quốc lộ lượt", các đơn vị thu phí đường bộ thực hiện thu, nộp (nộp ngân sách nhà nước hoặc tạo nguồn hoàn trả vốn vay) và quản lý sử dụng tiền bán vé "Phí quốc lộ lượt" theo quy định hiện hành.

2.4. Vé "Phí đường bộ toàn quốc":

- Vé áp dụng riêng đối với xe quốc phòng, công an có tiêu đề "phí đường bộ toàn quốc". Cơ quan, đơn vị quốc phòng, công an có vé "phí đường bộ toàn quốc" có nghĩa là đã nộp phí đường bộ đối với tất cả các trạm thu phí trong toàn quốc (không phân biệt trạm thu phí đường bộ do Nhà nước đầu tư hay đường bộ đầu tư theo hình thức BOT và các hình thức

đầu tư khác) theo mệnh giá ban hành kèm theo Thông tư này.

- Nội dung vé "phí đường bộ toàn quốc" áp dụng đối với xe quốc phòng bao gồm: Cơ quan phát hành (Bộ Tài chính - Tổng cục Thuế), loại phương tiện sử dụng gồm 2 loại: vé sử dụng cho xe ô tô con quân sự và vé sử dụng cho xe ô tô tải quân sự (không ghi chi tiết theo trọng tải và biển số cụ thể của từng phương tiện), năm sử dụng (không ghi mệnh giá). Kích cỡ vé có tổng chiều dài, nhân (x) chiều rộng là 12 x 8 cm và có màu sắc: nền vé màu đỏ, chữ và số màu trắng. Vé "phí đường bộ toàn quốc" áp dụng đối với các phương tiện thuộc Bộ Quốc phòng mang biển số màu đỏ, không áp dụng đối với các phương tiện mang biển số khác (kể cả phương tiện của Bộ Quốc phòng không mang biển số màu đỏ). Người kiểm soát vé tại các trạm thu phí nhận biết loại phương tiện của Bộ Quốc phòng đã nộp phí đường bộ bằng hai đặc điểm cơ bản là: biển số màu đỏ và vé "Phí đường bộ toàn quốc"; trường hợp phương tiện giao thông thiếu một trong hai đặc điểm này đều được coi là xe chưa nộp phí đường bộ.

- Nội dung vé "phí đường bộ toàn quốc" áp dụng đối với xe của Bộ Công an bao gồm: Cơ quan phát hành (Bộ Tài chính - Tổng cục Thuế), loại phương tiện sử dụng gồm 5 loại (theo biểu mức thu ban hành kèm theo Thông tư này). Kích cỡ vé có chiều dài, nhân (x) chiều rộng là 12 x 8 cm và có màu sắc: nền vé màu vàng có gạch màu đỏ dọc theo thân vé ở vị trí 1/3 vé tính từ trái sang phải, chữ và số màu đen.

- Vé “Phí đường bộ toàn quốc” không sử dụng làm chứng từ thanh toán chi phí (kể cả kinh phí ngân sách và chi phí sản xuất kinh doanh dịch vụ).

3. In, phát hành và quản lý sử dụng vé thu phí đường bộ:

3.1. Mẫu vé:

Mẫu vé thu phí đường bộ được phân biệt 2 loại vé:

- Vé từ dùng để thu phí theo hình thức tự động, bán tự động, được in theo mẫu phù hợp với từng loại máy do các hãng sản xuất khác nhau.

- Vé dùng để thu phí theo hình thức thủ công (không có từ), được in theo mẫu do Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) chủ trì phối hợp với Bộ Giao thông vận tải thiết kế thống nhất về kích cỡ và nội dung chỉ tiêu.

Căn cứ mẫu vé của Bộ Tài chính quy định, Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì phối hợp với đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức thu phí, xác định các chỉ tiêu cụ thể áp dụng tại trạm thu phí và phần màu sắc của từng loại vé do địa phương quy định. Nguyên tắc xác định mẫu vé như sau:

a) Kích cỡ vé (trừ loại vé từ):

- Vé lượt, gồm 3 phần: phần lưu tại cuống, phần lưu tại cửa soát vé, phần người nộp giữ (vừa để kiểm soát vé, vừa làm chứng từ thanh toán), có tổng diện tích là 19 x 7 cm (chưa kể phần đóng gáy quyển biên lai).

- Vé tháng, vé quý thu phí trạm, gồm 2 phần: Phần lưu tại cuống; Phần người

nộp phí giữ (vừa để kiểm soát vé, vừa làm chứng từ thanh toán), có tổng diện tích là 21 x 10 cm (chưa kể phần đóng gáy quyển biên lai). Riêng vé tháng xe máy có tổng diện tích là 9 x 6 cm (chưa kể phần đóng gáy quyển biên lai).

- Vé tháng, vé quý thu phí tuyến Quốc lộ 5 gồm 2 phần: Phần lưu tại cuống; Phần người nộp phí giữ (vừa để kiểm soát vé, vừa làm chứng từ thanh toán), có tổng diện tích (2 phần) là 28 x 12 cm (chưa kể phần đóng gáy quyển biên lai). Riêng vé tháng xe máy có kích cỡ tương đương vé tháng xe máy trạm (nêu ở phần trên).

b) Màu sắc vé:

- Vé lượt, vé tháng, vé quý thu phí trạm được in 7 màu khác nhau tương ứng với 7 mệnh giá vé (mỗi mệnh giá vé một màu) do Cục Thuế thống nhất với đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức thu phí xác định phù hợp.

- Vé tháng, vé quý thu phí tuyến Quốc lộ 5, được chia thành 2 phần: Phần nửa trên màu sáng nhạt, phần nửa dưới màu đậm (mỗi mệnh giá vé một màu).

c) Nội dung chỉ tiêu ghi trên vé:

Nội dung chỉ tiêu ghi trên vé được quy định thống nhất, gồm các chỉ tiêu cơ bản như: đơn vị phát hành, loại vé, loại phương tiện, thời hạn sử dụng, mệnh giá vé.

3.2. In và phát hành vé:

a) Tổng cục Thuế in và phát hành vé tháng, vé quý tuyến Quốc lộ 5, vé phí quốc lộ lượt và vé áp dụng đối với phương tiện giao thông của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cụ thể:

- Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, Tổng cục Thuế phải tổng hợp nhu cầu sử dụng của các đơn vị để in và cung cấp đầy đủ các loại vé cần thiết cho Cục Thuế các tỉnh, thành phố để giao kịp thời cho các đơn vị thu phí bán cho đối tượng sử dụng theo quy định.

- Bán vé “phí đường bộ toàn quốc” theo yêu cầu của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và gửi thông báo nộp phí đường bộ của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cho Cục Đường bộ Việt Nam để tổng hợp và phản ánh kết quả thu phí.

b) Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương in và phát hành vé lượt, vé tháng, vé quý để thu phí đối với các trạm thu phí đường bộ đóng tại địa phương (quốc lộ, đường địa phương, đường BOT, các đường bộ khác), nhận vé tuyến Quốc lộ 5 và vé phí quốc lộ lượt do Tổng cục Thuế in để cung cấp cho các trạm thu phí bán cho các đối tượng sử dụng.

Định kỳ hàng năm, quý hoặc đột xuất, Cục Thuế phải tổng hợp báo cáo nhu cầu từng loại vé do các đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức thu phí gửi đến, đối chiếu với lượng vé tồn kho còn có thể tiếp tục sử dụng (nếu có), xác định số lượng chủng loại vé cần phải in trong kỳ phù hợp để thực hiện in đầy đủ, kịp thời, vừa bảo đảm nhu cầu sử dụng, không để tình trạng thiếu vé và vừa tiết kiệm chi phí. Đối với loại vé thuộc trách nhiệm của Tổng cục Thuế in, phát hành thì Cục Thuế phải tổng hợp báo cáo dự trữ lượng vé cần thiết đề nghị Tổng cục in phù hợp với thực tế.

c) Các đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức thu phí phải thực hiện:

- Hàng năm, trước ngày 15 của tháng đầu quý cuối năm trước hoặc đột xuất (do thiếu vé hoặc thay đổi nhu cầu...) phải lập dự trữ số lượng vé (chi tiết từng loại vé) cần sử dụng năm sau hoặc kỳ tới (trường hợp đột xuất) và gửi báo cáo Công ty quản lý đường bộ cấp trên (đối với trạm thu phí), Cục Thuế tỉnh, thành phố trực tiếp quản lý để kịp thời in vé bảo đảm nhu cầu sử dụng trong kỳ.

- Nhận các loại vé tại Cục Thuế địa phương để bán cho các đối tượng sử dụng theo quy định (trừ loại vé “Phí đường bộ toàn quốc”).

- Thường xuyên theo dõi ý kiến phản ánh của các đơn vị về nhu cầu sử dụng từng loại vé, nội dung chỉ tiêu quy định trên vé, nếu chưa phù hợp thì báo cáo kịp thời với cơ quan chủ quản cấp trên và cơ quan Thuế trực tiếp quản lý để điều chỉnh phù hợp.

3.3. Quản lý, sử dụng vé:

a) Vé “Phí đường bộ” đối với đường bộ đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước và vốn Nhà nước vay thu phí hoàn vốn quy định tại Mục I, Mục II Phần II Thông tư này được quản lý, sử dụng theo chế độ quản lý biên lai thu tiền phí, lệ phí của Bộ Tài chính quy định. Tổ chức, cá nhân có vé “Phí đường bộ” (trừ vé “phí đường bộ toàn quốc”) được hạch toán số tiền phí đường bộ (in trên vé) vào chi phí kinh doanh (đối với đơn vị sản xuất kinh doanh dịch vụ) hoặc vào chi phí hành chính sự nghiệp.

b) Vé “Cước đường bộ” đối với đường bộ đầu tư để kinh doanh quy định tại Mục III, Mục IV Phần II Thông tư này được

quản lý, sử dụng theo chế độ quản lý hóa đơn chứng từ của Bộ Tài chính quy định. Tổ chức, cá nhân có vé "Cước đường bộ" được hạch toán vào chi phí kinh doanh hoặc chi phí hành chính sự nghiệp như đối với vé "Phí đường bộ" nêu trên. Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế được hạch toán vào chi phí kinh doanh phần phí đường bộ phải nộp chưa có thuế giá trị gia tăng và được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng. Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng được hạch toán vào chi phí kinh doanh toàn bộ số tiền phí đường bộ phải nộp bao gồm cả tiền thuế giá trị gia tăng.

c) Các trạm thu phí đường bộ thực hiện:

- Thanh toán vé và số tiền phí thu được theo từng ca, kíp trong ngày, phân định chế độ trách nhiệm cá nhân của từng ca kíp theo nguyên tắc người làm mất vé phải bồi thường tiền phí theo mức thu phí đường bộ tương ứng ghi trên từng loại vé, người kiểm soát vé cho xe không có vé hoặc vé không đúng quy định qua trạm thu phí thì phải bồi thường tiền phí theo quy định; ngoài ra còn bị phạt tương ứng với mức độ và hành vi vi phạm.

- Định kỳ hàng tháng, quý, năm phải thực hiện đối chiếu, quyết toán vé, kèm theo quyết toán số thu, số nộp ngân sách với cơ quan Thuế trực tiếp quản lý.

3.4. Thanh hủy vé thu phí đường bộ:

a) Vé thu phí đường bộ đã bán cho các đối tượng sử dụng, phần lưu tại cửa soát

vé được thanh hủy theo ca kíp hàng ngày sau khi đối chiếu với máy đếm xe hoặc bộ phận bán vé, ký biên bản giữa bộ phận bán vé, bộ phận kiểm soát vé và thủ trưởng trạm thu phí.

b) Cuống vé lượt lưu tại đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức thu phí được thanh hủy sau 3 tháng kể từ tháng bán cho người sử dụng.

c) Cuống vé tháng được thanh hủy sau 6 tháng kể từ tháng sử dụng.

d) Cuống vé quý được thanh hủy sau 1 năm kể từ năm phát hành ghi trên vé.

Việc thanh hủy cuống các loại vé nêu tại tiết b, c, d nêu trên phải được Giám đốc Công ty Quản lý đường bộ thu phí ra quyết định thanh hủy và khi thanh hủy phải lập biên bản, có sự tham gia của cơ quan Thuế trực tiếp quản lý theo đúng thủ tục quy định về thanh hủy biên lai ấn chỉ thuế.

Riêng phần vé lưu tại cửa soát vé thanh hủy theo ca kíp hàng ngày sau khi đã đối chiếu với bộ phận bán vé (có ký biên bản giữa 2 bộ phận), Thủ trưởng trạm thu phí quyết định thanh hủy và chịu trách nhiệm về việc thanh hủy đó.

4. Đối với phương tiện cơ giới tham gia giao thông đường bộ của Bộ Quốc phòng, lực lượng công an:

Các phương tiện của Bộ Quốc phòng mang biển số màu đỏ thuộc diện chịu phí đường bộ và một số lượng phương tiện giao thông của các lực lượng công an khi thực hiện các nhiệm vụ nghiệp vụ khẩn cấp, đặc biệt thực hiện nộp phí đường bộ theo quy định sau đây:

a) Định kỳ hàng năm, đồng thời với việc lập dự toán ngân sách, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an lập dự trù số lượng, chủng loại vé cần sử dụng và số kinh phí mua vé cho năm kế hoạch gửi Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế và Vụ I).

b) Tổng cục Thuế thực hiện in và phát hành loại vé phí đường bộ toàn quốc áp dụng riêng đối với xe quốc phòng, công an.

c) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện mua vé “phí đường bộ toàn quốc” tại Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) theo thủ tục như sau:

- Đến kỳ mua vé, người mua vé mang giấy giới thiệu của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ghi rõ: họ tên, chức vụ của người mua vé; số lượng, chủng loại vé cần mua, kèm theo chứng minh thư đến Tổng cục Thuế để mua vé.

- Tổng cục Thuế thực hiện cung cấp cho người mua vé số lượng, chủng loại vé “phí đường bộ toàn quốc” theo yêu cầu. Trên cơ sở số vé đã cấp, tính toán số phí đường bộ phải nộp và có văn bản thông báo với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an về số tiền phí phải nộp, thời hạn nộp tiền, địa điểm nộp tiền vào ngân sách nhà nước. Thông báo phải được Thủ trưởng Tổng cục Thuế ký tên, đóng dấu và người nhận vé xác nhận đã nhận đủ vé, ký tên, ghi rõ họ tên. Văn bản thông báo nộp phí đường bộ phải lập thành 5 liên: 1 liên gửi Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an, 1 liên gửi Kho bạc nhà nước trung ương, 1 liên gửi Vụ I - Bộ Tài chính, 2 liên lưu tại Tổng cục Thuế.

- Căn cứ vào văn bản thông báo nộp phí của Tổng cục Thuế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an làm thủ tục nộp tiền vào ngân sách nhà nước theo quy định. Sau khi nhận được giấy nộp tiền của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Kho bạc nhà nước trung ương làm thủ tục thu tiền và thực hiện hạch toán như sau:

+ Trích 20% vào tài khoản của Cục Đường bộ Việt Nam, trong đó 15% (bằng 75% tổng số tiền được trích) để trích thưởng cho người phát hiện ra vé giả (việc thưởng cho người phát hiện ra vé giả thực hiện theo hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính). Cuối năm nếu chưa sử dụng hết thì được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng và hàng năm phải quyết toán với Bộ Tài chính. Trường hợp trong 3 năm liên tục không sử dụng hết thì phải chuyển số còn thừa sang quỹ đầu tư hiện đại hóa công nghệ thu phí; 5% (bằng 25% tổng số tiền được trích) đưa vào Quỹ đầu tư hiện đại hóa công nghệ thu phí;

+ 80% còn lại hạch toán vào ngân sách nhà nước mở tại Kho bạc nhà nước trung ương theo chương, loại, khoản tương ứng, mục 036, tiểu mục 01 Mục lục Ngân sách nhà nước hiện hành.

- Kho bạc nhà nước trung ương, sau khi nhận được chứng từ giấy nộp tiền và số tiền phí của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đã nộp vào ngân sách nhà nước, thực hiện xác nhận “đã thu tiền phí đường bộ” vào chứng từ nộp tiền của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và làm giấy báo có cho ngân sách nhà nước theo thủ tục quy định.

Giấy nộp tiền phí đường bộ có xác nhận

“đã thu tiền phí đường bộ” của Kho bạc nhà nước trung ương là chứng từ thanh toán kinh phí ngân sách quốc phòng, công an.

- Định kỳ, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện đối chiếu với Tổng cục Thuế về số tiền phí đường bộ phải nộp, số tiền phí đường bộ đã nộp ngân sách nhà nước và số tiền phí đường bộ còn phải nộp hoặc đã nộp thừa để thanh toán theo thực tế.

d) Nguồn kinh phí nộp phí đường bộ đối với phương tiện giao thông phục vụ nhiệm vụ chỉ huy, huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an do ngân sách nhà nước cấp theo dự toán được duyệt hàng năm.

II. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THU PHÍ ĐƯỜNG BỘ

Tổ chức, cá nhân thu phí đường bộ (dưới đây gọi chung là đơn vị thu phí đường bộ) có trách nhiệm:

1. Thực hiện thông báo công khai (kể cả niêm yết tại nơi bán vé) về đối tượng thuộc diện trả tiền phí, đối tượng được miễn phí, mức thu và thủ tục thu, nộp phí.

2. Tổ chức các điểm bán vé thuận tiện theo quy định:

a) Tổ chức các điểm bán vé tại trạm thu phí thuận tiện cho người điều khiển phương tiện giao thông và tránh ùn tắc giao thông. Ngoài ra, các đơn vị thu phí cần triển khai mở rộng mạng lưới và hình thức bán vé, vừa thuận tiện cho

người mua vé, vừa bảo đảm sự quản lý chặt chẽ, tránh thất thoát tiền phí.

b) Bán kịp thời, đầy đủ các loại vé theo yêu cầu của người mua, không hạn chế đối tượng và số lượng vé bán ra. Đối với vé lượt bán theo mệnh giá vé tương ứng với tải trọng phương tiện tham gia giao thông, không phải ghi cụ thể biển số phương tiện và thời hạn sử dụng. Đối với vé tháng, vé quý bán theo thủ tục quy định như sau:

- Tổ chức, cá nhân mua vé phải xuất trình cho người bán vé giấy chứng nhận đăng ký phương tiện tham gia giao thông để mua vé theo mức thu tương ứng với loại phương tiện và tải trọng thiết kế của phương tiện sử dụng.

- Người bán vé phải ghi đầy đủ vào vé biển số đăng ký, thời hạn sử dụng vé.

c) Tổ chức, cá nhân mua vé thu phí đường bộ, căn cứ vào điều kiện thực tế của mình để lựa chọn phương thức thanh toán: bằng tiền mặt, séc, chuyển khoản hoặc ủy nhiệm chi trích tiền từ tài khoản chuyển sang tài khoản của đơn vị thu phí đường bộ.

- Vé đã bán ra (bao gồm vé trạm, vé tuyến Quốc lộ 5, vé quốc lộ lượt và vé “phí đường bộ toàn quốc”) không được đổi hoặc trả lại, kể cả trường hợp vé quá hạn, vé hư hỏng hoặc mất từ tính không còn giá trị qua cửa soát vé.

- Vé thu phí đường bộ vừa là chứng từ kiểm soát khi phương tiện đi qua trạm thu phí, vừa là chứng từ thanh toán (trừ vé “Phí đường bộ toàn quốc”).

www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845-6684 * 096-38905

3. Tổ chức kiểm soát chặt chẽ các phương tiện qua trạm thu phí theo quy định:

a) Thực hiện kiểm soát các phương tiện qua trạm thu phí thường xuyên 24/24 giờ trong ngày và xử lý:

- Đối với phương tiện thuộc diện phải trả phí đường bộ thì người điều khiển phương tiện phải xuất trình vé theo đúng quy định. Trường hợp không xuất trình vé đúng quy định hoặc sử dụng vé giả thì không được thông qua trạm thu phí, ngoài ra còn phải bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Người kiểm soát vé phát hiện hành vi gian lận vé (không có vé, vé giả hoặc vé không tương ứng với tải trọng, chủng loại phương tiện...) thì phải chuyển đối tượng sang bộ phận có thẩm quyền xử lý, tránh chậm trễ gây ùn tắc giao thông.

- Đối với các phương tiện thuộc diện được miễn phí đường bộ quy định tại điểm 4 Mục II Phần I Thông tư này, mỗi lần qua trạm thu phí, người kiểm soát vé căn cứ vào đặc điểm nhận dạng của từng xe tương ứng (xe chuyên dùng quốc phòng, xe cứu hỏa, cứu thương, xe có đoàn xe hộ tống, xe đang chở người bị tai nạn...) để giải quyết cụ thể, đúng đối tượng, tránh tiêu cực, lợi dụng hoặc gây khó khăn cho người điều khiển phương tiện.

b) Thực hiện kiểm tra đột xuất các phương tiện sử dụng vé để phát hiện vé giả, vé gian lận và xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật. Việc kiểm tra phải bảo đảm đúng pháp

luật, tránh gây hậu quả xấu đối với những người chấp hành đúng pháp luật và gây ách tắc giao thông.

c) Nghiêm cấm mọi trường hợp nhận tiền phí đường bộ của người sử dụng phương tiện mà không giao vé hoặc giải quyết cho phương tiện giao thông thuộc diện phải chịu phí không có vé đi qua trạm, thông đồng trốn phí, biển thủ tiền phí, làm thất thoát tiền phí đường bộ.

4. Thực hiện xử lý vi phạm hành chính đối với những đối tượng có hành vi gian lận phí đường bộ theo thẩm quyền hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với những hành vi vi phạm pháp luật về nộp phí và sử dụng vé thu phí đường bộ theo quy định của pháp luật.

5. Trong thời hạn chậm nhất là 30 ngày trước ngày bắt đầu thu phí, đơn vị thu phí phải đăng ký việc thu phí đường bộ với Cục Thuế địa phương nơi đặt trạm thu phí về địa điểm đặt trạm thu phí, loại vé và số lượng vé thu phí cần sử dụng.

Định kỳ hàng tháng phải kê khai số tiền phí đường bộ thu được, số phải nộp ngân sách nhà nước (tiền phí hoặc tiền thuế) và nộp tờ khai cho Cục Thuế trực tiếp quản lý trong 5 ngày đầu của tháng tiếp theo. Việc kê khai phải thực hiện đầy đủ, đúng mẫu tờ khai và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu kê khai theo đúng quy định của pháp luật.

6. Thực hiện nộp số tiền phí đường bộ (đối với đường bộ đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước) hoặc các khoản thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước (đối với

0463305

đường bộ đầu tư để kinh doanh) theo thời hạn của pháp luật quy định.

7. Thực hiện chế độ kế toán và quyết toán phí đường bộ theo quy định:

- Mở sổ kế toán để theo dõi số thu, nộp và quản lý sử dụng tiền phí đường bộ theo chế độ kế toán hiện hành của Nhà nước.

- Quản lý, sử dụng vé thu phí đường bộ và các chứng từ liên quan theo đúng chế độ quản lý hóa đơn, chứng từ của Bộ Tài chính quy định.

- Thực hiện quyết toán phí đường bộ theo năm dương lịch. Thời hạn đơn vị thu phí đường bộ phải nộp quyết toán cho cơ quan Thuế chậm nhất không quá 60 ngày, kể từ ngày 31 tháng 12 của năm quyết toán phí. Quyết toán phí phải phản ánh đầy đủ toàn bộ số tiền phí đã thu, số tiền phí hoặc thuế phải nộp, số tiền đã nộp ngân sách, số được trích để lại chi phí, số còn phải nộp ngân sách nhà nước hoặc nộp thừa tính đến thời điểm quyết toán phí.

Đơn vị thu phí đường bộ có trách nhiệm nộp đủ số tiền phí hoặc tiền thuế còn thiếu vào ngân sách nhà nước sau 10 ngày kể từ ngày nộp báo cáo quyết toán phí, nếu nộp thừa được trừ vào số phải nộp kỳ tiếp sau và phải chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của số liệu quyết toán phí, nếu đơn vị báo cáo sai để trốn nộp, gian lận tiền của ngân sách nhà nước sẽ bị xử phạt theo quy định của pháp luật.

- Cung cấp đầy đủ tài liệu, sổ sách, hóa đơn, chứng từ kế toán liên quan đến việc

quản lý phí, thuế theo yêu cầu của cơ quan Thuế.

III. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN THUẾ

Cơ quan Thuế có trách nhiệm

1. Hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị thu phí đường bộ thực hiện việc kê khai, thu, nộp, mở sổ sách, chứng từ kế toán và quyết toán phí đường bộ theo đúng pháp luật về phí, lệ phí và quy định cụ thể tại Thông tư này.

2. Tổng cục Thuế phối hợp với Cục Đường bộ Việt Nam, Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các đơn vị thu phí trên địa bàn để nghiên cứu, thiết kế mẫu chứng từ và các ấn chỉ phục vụ việc thu phí; tổ chức in, phát hành, quản lý chứng từ thu phí theo đúng chế độ quản lý ấn chỉ của Bộ Tài chính quy định, bảo đảm cung cấp kịp thời, đầy đủ các loại chứng từ thu phí đường bộ cho các đơn vị thu phí để bán cho đối tượng sử dụng theo yêu cầu. Ngoài ra, Tổng cục Thuế còn có trách nhiệm bán vé "phí đường bộ toàn quốc" áp dụng đối với các phương tiện cơ giới đường bộ của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an, mở sổ theo dõi, đôn đốc việc nộp tiền phí đường bộ của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an vào ngân sách nhà nước theo quy định.

3. Kiểm tra, thanh tra việc kê khai, thu, nộp và quyết toán phí đường bộ; xử lý vi phạm hành chính về thực hiện chế độ đăng ký, kê khai, nộp phí vào ngân sách nhà nước, chế độ mở sổ kế toán, quản lý

sử dụng và lưu giữ chứng từ thu phí đường bộ.

Phần IV

XỬ LÝ VI PHẠM

1. Người điều khiển phương tiện giao thông đi qua trạm thu phí đường bộ, nếu có hành vi gian lận tiền phí (không mua vé, sử dụng vé giả, vé gian lận hoặc thỏa thuận gian lận tiền phí...) thì ngoài việc phải trả đủ số tiền phí theo mức thu quy định tại Thông tư này, còn bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật hiện hành.

Việc xử lý vi phạm phải theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Mọi trường hợp thu tiền phạt đều phải cấp biên lai thu tiền phạt, ghi đúng số tiền đã thu (loại biên lai do Bộ Tài chính phát hành) cho người nộp tiền phạt.

2. Đơn vị, cá nhân thu phí đường bộ vi phạm chế độ thu, nộp tiền phí, tiền phạt; chế độ kê khai phí, nộp tiền phí vào ngân sách nhà nước; chế độ kế toán và quyết toán phí thì bị xử lý theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và các quy định của pháp luật có liên quan.

Phần V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Thông tư này thay thế: Thông tư số 109/2002/TT-BTC ngày 06/12/2002 của

Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí sử dụng đường bộ; Thông tư số 01/2003/TT-BTC ngày 07/01/2003 của Bộ Tài chính sửa đổi mức thu phí sử dụng đường bộ đối với xe quân sự của Bộ Quốc phòng; Thông tư số 12/2003/TT-BTC ngày 18/02/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn bổ sung Thông tư số 109/2002/TT-BTC ngày 06/12/2002 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí sử dụng đường bộ; Thông tư số 52/2003/TT-BTC ngày 30/5/2003 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 109/2002/TT-BTC về phí sử dụng đường bộ; Công văn số 4269/TC-TCT ngày 28/4/2003 của Bộ Tài chính về việc phát hành vé thu phí đường bộ.

Các quy định trước đây của Bộ Tài chính về phí sử dụng đường bộ trái với quy định tại Thông tư này đều hết hiệu lực thi hành.

2. Căn cứ vào mức thu quy định tại Thông tư này, Bộ Giao thông vận tải và Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo thẩm quyền của mình thông báo, chỉ đạo các đơn vị tổ chức thu phí đường bộ trực thuộc thực hiện thu phí đường bộ theo đúng quy định tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Thủ trưởng

Trương Chí Trung

MỨC THU PHÍ ĐƯỜNG BỘ ĐẦU TƯ BẰNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(ban hành kèm theo Thông tư số 90/2004/TT-BTC
ngày 07/9/2004 của Bộ Tài chính).

Số thứ tự	Phương tiện chịu phí đường bộ	Mệnh giá		
		Vé lượt (đ/vé/lượt)	Vé tháng (đ/vé/tháng)	Vé quý (đ/vé/quý)
1	Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy và các loại xe tương tự	1.000	10.000	
2	Xe lam, xe bông sen, xe công nông, máy kéo	4.000	120.000	300.000
3	Xe dưới 12 ghế ngồi, xe tải có tải trọng dưới 2 tấn và các loại buýt vận tải khách công cộng	10.000	300.000	800.000
4	Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi; Xe tải có tải trọng từ 2 tấn đến dưới 4 tấn	15.000	450.000	1.200.000
5	Xe từ 31 ghế ngồi trở lên; Xe tải có tải trọng từ 4 tấn đến dưới 10 tấn	22.000	660.000	1.800.000
6	Xe tải có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn và xe chở hàng bằng Container 20 fit	40.000	1.200.000	3.200.000
7	Xe tải có tải trọng từ 18 tấn trở lên và xe chở hàng bằng Container 40 fit	80.000	2.400.000	6.500.000

Ghi chú:

- Tải trọng của từng loại phương tiện áp dụng mệnh giá trên là tải trọng theo thiết kế.

- Đối với việc áp dụng mức thu phí đối với xe chở hàng bằng Container (bao gồm cả đầu kéo móc chuyên dùng): áp dụng mức thu theo tải trọng thiết kế của xe, không phân biệt có chở hàng hay không chở hàng, kể cả trường hợp chở hàng bằng Container có tải trọng ít hơn tải trọng thiết kế vẫn áp dụng mức thu theo tải trọng thiết kế.

MỨC THU PHÍ TUYẾN QUỐC LỘ 5

(ban hành kèm theo Thông tư số 90/2004/TT-BTC
ngày 07/9/2004 của Bộ Tài chính).

Số thứ tự	Phương tiện chịu phí đường bộ	Mệnh giá vé tuyến quốc lộ 5	
		Tháng (đồng/vé/tháng)	Quý (đồng/vé/quý)
1	Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy và các loại xe tương tự	20.000	
2	Xe lam, xe bông sen, xe công nông, máy kéo	240.000	600.000
3	Xe dưới 12 ghế ngồi; Xe tải có tải trọng dưới 2 tấn; Các loại xe buýt vận tải khách công cộng	600.000	1.600.000
4	Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi; Xe tải có tải trọng từ 2 tấn đến dưới 4 tấn	900.000	2.400.000
5	Xe từ 31 ghế ngồi trở lên; Xe tải có tải trọng từ 4 tấn đến dưới 10 tấn	1.320.000	3.600.000
6	Xe tải có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; Xe chở hàng bằng container 20 fit	2.400.000	6.400.000
7	Xe tải có tải trọng từ 18 tấn trở lên; Xe chở hàng bằng Container 40 fit	4.800.000	13.000.000

Ghi chú:

- Tải trọng của từng loại phương tiện áp dụng mệnh giá trên là tải trọng theo thiết kế.

- Đối với việc áp dụng mức thu phí đối với xe chở hàng bằng Container (bao gồm cả đầu kéo moóc chuyên dùng): áp dụng mức thu theo tải trọng thiết kế của xe, không phân biệt có chở hàng hay không chở hàng, kể cả trường hợp chở hàng bằng Container có tải trọng ít hơn tải trọng thiết kế vẫn áp dụng mức thu theo tải trọng thiết kế.

**MỨC THU PHÍ ĐƯỜNG BỘ TOÀN QUỐC ÁP DỤNG ĐỐI VỚI XE
CỦA BỘ QUỐC PHÒNG MANG BIỂN SỐ NỀN MÀU ĐỎ,
CHỮ VÀ SỐ MÀU TRẮNG DẬP CHÌM**

*(ban hành kèm theo Thông tư số 90/2004/TT-BTC
ngày 07/9/2004 của Bộ Tài chính).*

Số thứ tự	Loại phương tiện	Mệnh giá vé năm (đồng/vé/năm)
1	Xe ô tô con quân sự	
	- Mức 1:	2.000.000
	- Mức 2:	1.000.000
2	Xe ô tô vận tải quân sự	
	- Mức 1:	3.000.000
	- Mức 2:	1.500.000

**MỨC THU PHÍ ĐƯỜNG BỘ TOÀN QUỐC ÁP DỤNG ĐỐI
VỚI XE CỦA LỰC LƯỢNG CÔNG AN**

*(ban hành kèm theo Thông tư số 90/2004/TT-BTC
ngày 07/9/2004 của Bộ Tài chính).*

Số thứ tự	Loại phương tiện	Mệnh giá vé năm (đồng/vé/năm)
1	Xe dưới 7 chỗ ngồi	1.000.000
2	Xe ô tô từ 7 chỗ ngồi trở lên	1.500.000
3	Xe ô tô chuyên dùng, gồm: xe khám nghiệm hiện trường, xe thông tin, xe liên lạc di động chuyên dùng	2.000.000
4	Xe vận tải	3.000.000
5	Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh	200.000

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Điện thoại: 8233947

In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng